TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2023/HSST
Ngày: 20/6/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lập
Các hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Minh
Ông Bùi Bá Huynh
- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Hoàng Kim Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm tham gia phiên tòa*****:** Ông Đỗ Trần Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 20/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 125/2023/TLST-HS ngày 10/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 133/QĐXXST-HS ngày 22/5/2023 đối với bị cáo :

Trần Trọng H, sinh năm 1985, hộ khẩu thường trú và nơi ở: Tổ dân phố B, phường Đ, thành phố P, tỉnh V. Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Hữu Í, sinh năm 1954 và bà Lã Thị L, sinh năm 1956. Có vợ là Lê Thị V, sinh năm 1985 và có 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự theo danh chỉ bản số 000000531 lập ngày 11/8/2022 tại Công an quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và lý lịch cá nhân bị cáo H không có tiền án, tiền sự. Nhân thân bị cáo có các bản án:

- Bản án số 38/2009/HSST ngày 6/7/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, Vĩnh Phúc và Bản án số 77/2009/HSPT ngày 16/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã xử phạt Trần Trọng H tổng hình phạt 05 năm 03 tháng tù về tội Cướp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đã được xóa án tích;

- Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt Trần Trọng H tổng hình phạt 15 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 21/10/2020. (Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ngày 21/01/2021).

Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Đội 21, phân trại K2, trại giam Vĩnh Quang-Bộ Công An, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ngân hàng TNHH một thành viên S. Địa chỉ: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,11,15 Tòa nhà E, số 138-142 H, phường Đ, quận 1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee T – Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê H – Phó trưởng phòng trung tâm vận hành cho vay (theo Giấy ủy quyền số POA-2022-001 ngày 02/05/2022), có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Trần Trọng H làm việc cùng anh Nguyễn Văn M (SN: 1986, HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh V - Căn cước công dân số: 026086005629) tại Công ty TNHH A ở địa chỉ: Lô A5-3, khu công nghiệp B, xã T, huyện B, tỉnh V. H làm nhân viên phòng Hành chính còn anh M là nhân viên phòng Kỹ thuật. Quá trình làm việc, H quản lý hồ sơ nhân sự nên biết thông tin giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và tài khoản số 1010008606 tại ngân hàng SHB của Nguyễn Văn M (Công ty Công ty TNHH A trả lương cho anh M qua tài khoản ngân hàng trên).

Khoảng tháng 5/2019, do thua lỗ kinh doanh, H nảy sinh ý định làm sổ hộ khẩu. chứng minh nhân dân đứng tên anh Nguyễn Văn M có gắn ảnh chân dung của H để mạo danh anh Nguyễn Văn M để vay tiền Ngân hàng, qua đó chiếm đoạt tiền vay của Ngân hàng. Thực hiện ý định này, H lấy thông tin cá nhân của anh M trong hồ sơ nhân sự do H quản lý rồi lên mạng Internet truy cập vào một trang Web (không rõ địa chỉ) để đặt làm giả 01 giấy chứng minh nhân dân số 135198221 ngày 05/4/2010 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho anh Nguyễn Văn M (thông tin như trên) có gắn ảnh chân dung của H, 01 sổ hộ khẩu số 256361568 do Công an xã T cấp cho chủ hộ là anh Nguyễn Văn M (thông tin như trên), 02 giấy xác nhận tạm trú do Công an phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội cấp cho Nguyễn Văn M (thông tin như trên) để xác nhận anh M tạm trú tại số nhà 6, nghách 50, ngõ 99 C, tổ 14, phường P, quận B, thành phố H. Sau đó, H trả tiền (nhưng không nhớ số tiền H đã trả) cho một người xe ôm (không rõ thông tin) rồi nhận được các giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy xác nhận tạm trú trên.

Ngày 04/6/2019, H sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả trên tới Ngân hàng S - chi nhánh Vĩnh Phúc rồi mạo danh anh M để yêu cầu cấp Sổ phụ tài khoản tiền gửi của tài khoản số 1010008606 tại ngân hàng S (tài khoản này do anh M đăng ký, sử dụng). Tin tưởng lời H nói là thật, chị Hà Thanh Q (SN: 1993, HKTT: TDP C, phường L, thành phố V, tỉnh V) là chuyên viên, chị Đàm Thị Phương A (SN: 1988, HKTT: Số 57 H, phường Đ, thành phố V, tỉnh V) là Kiểm soát viên của ngân hàng S - chi nhánh Vĩnh Phúc đã cấp 02 sổ phụ tài khoản tiền gửi của tài khoản số 1010008606 tại ngân hàng S cho H.

Ngày 05/6/2019, H lấy bản gốc của Bản Hợp đồng lao động số HĐLD/706142447 ngày 14/8/2018 của Công ty TNHH A đối với anh Nguyễn Văn M rồi tới ngân hàng S - chi nhánh Phạm Hùng để đề nghị vay tín dụng, cấp thẻ tín

dụng. Tại đây, H được nhân viên kinh doanh của ngân hàng S là chị Vũ Quỳnh T (SN: 1992, HKTT: Thôn 3, xã P, huyện N, tỉnh N) tiếp rồi được chị T phổ biến các quy định vay vốn của ngân hàng S. H đã mạo danh, tự giới thiệu cho chị T biết rằng bản thân là Nguyễn Văn M (SN: 1986, HKTT: Thôn T, xã T, huyện B, tỉnh V) hiện đang tạm trú tại số nhà 6, nghách 50, ngõ 99 C, tổ 14, phường P, quận B, thành phố H rồi đưa cho chị T xem giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy xác nhận nơi cư trú rồi đưa cho chị T xem các giấy tờ trên đã làm giả từ trước cùng với bản hợp đồng lao động và sổ phụ tài khoản tiền gửi đã chuẩn bị trước. Chị T xem xét các giấy tờ trên, thấy thông tin H cung cấp trùng khớp với giấy tờ được nhận nên đã yêu cầu H viết thông tin cá nhân, ký xác nhận lên giấy đề nghị cấp vay tiêu dùng kiêm hợp đồng tín dụng và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng số 130001955793). H đã viết thông tin bản thân là Nguyễn Văn M, giả mạo chữ ký của anh M xác nhận lên Hợp đồng tín dụng số 130001955793 để đề nghị vay ngân hàng S với khoản vay là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) với lãi suất là 18%/năm trong thời hạn là 60 tháng, đồng thời đề nghị ngân hàng S cấp cho 01 thẻ tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 130001955793. Ngay sau đó, chị T báo cáo cho anh Đinh Xuân T (SN: 1989,HKTT: L, xã Q, huyện N, tỉnh N) là trưởng nhóm kinh doanh của ngân hàng S rồi cùng ký xác nhận lên Hợp đồng tín dụng số 130001955793. Chị T đã chụp lại giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và hợp đồng lao động trên rồi tải lên hệ thống dữ liệu của ngân hàng S sau đó trả lại cho H các giấy tờ nêu trên rồi chuyển hồ sơ Hợp đồng tín dụng số 30001955793 để ngân hàng S thẩm duyệt hồ sơ.

Ngân hàng S đã thẩm duyệt hồ sơ Hợp đồng tín dụng số 130001955793 theo thông tin do H cung cấp. Tin tưởng nội dung thông tin H cung cấp là thật, ngày 11/6/2019, ngân hàng S đã phê duyệt khoản vay Hợp đồng tín dụng số 130001955793 của anh Nguyễn Văn M (do H mạo danh) với số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất là 18%/năm theo tài khoản số 700014373633 tại ngân hàng S và cấp thẻ tín dụng số: 4696730000563612 theo hạn mức là 93.000.000 đồng.

Ngày 13/6/2019, Trần Trọng H mang theo 01 Giấy chứng minh nhân dân 135198221 ngày 05/4/2010 do Công an tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho anh Nguyễn Văn M (thông tin như trên) có gắn ảnh chân dung của H tới Ngân hàng S - chi nhánh Phạm Hùng tại phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội gặp chuyên viên của ngân hàng S là chị Nguyễn Thảo H (SN: 1993, HKTT: Số 67, tổ 4, phường T, thành phố C, C) rồi mạo danh là anh Nguyễn Văn M để làm thủ tục nhận số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 130001955793. Chị H thấy thông tin H cung cấp trùng khớp với thông tin có trên hệ thống của ngân hàng S nên tin lời H nói là thật. Chị H đã báo cho chị Đinh Thu H (SN: 1986, HKTT: Số 29, ngõ 4 Đ, phường T, quận Đ, thành phố H) là Kiểm soát của Ngân hàng S - chi nhánh Phạm Hùng về việc có anh Nguyễn Văn M

đến làm thủ tục nhận số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 130001955793. Chị H xem thấy thông tin H cung cấp trùng khớp với thông tin có trên hệ thống của ngân hàng Shinhan nên tin lời H nói là thật nên đã cùng chị H thực hiện việc cấp số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Chị H in Phiếu Yêu cầu rút tiền mặt/Chuyển khoản nội bộ của Ngân hàng S - chi nhánh Phạm Hùng ngày 13/6/2019 mang tên Nguyễn Văn M (Chứng minh nhân dân số: 135198221, HKTT: Số 6, nghách 50, ngõ 9 TDP số 14 C, phường P, quận B, thành phố H) theo tài khoản số 700014373633 của ngân hàng S với số tiền rút là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). H đã giả chữ ký của anh M rồi ký xác nhận lên trên Yêu cầu rút tiền mặt/Chuyển khoản nội bộ trên, chị H ký xác nhận dưới mục "Teller", mục "Cashier", chị H ký xác nhận vào mục "Manager" của Yêu cầu rút tiền mặt/Chuyển khoản nội bộ này. Ngay sau đó, chị H làm một bản Cash List/Bảng kê tiền ngày 13/6/2019 của ngân hàng S chi nhánh Phạm Hùng thể hiện việc kê số tiền là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). H tiếp tục giả chữ ký của anh M rồi ký xác nhận vào mục "Người nhận/Receiver" của Cash List/Bảng kê tiền còn chị H ký vào mục "Người giao/Deliverer" của Cash List/Bảng kê tiền này. Chị H giao cho H số tiền mặt là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) với lượng kê theo Cash List/Bảng kê tiền trên. Nhận tiền H rời đi.

Ngày 21/6/2019, H rút toàn bộ số tiền là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) trong thẻ tín dụng số: 4696730000563612. Toàn bộ số tiền có được từ ngân hàng S, H đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Tổng số tiền H lừa đảo của ngân hàng S là 243.000.000 đồng. Để che giấu hành vi phạm tội của mình, H đã trả lại Hợp đồng lao động vào hồ sơ của anh M tại Công ty TNHH A, đồng thời đốt, hủy đi giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu đã làm giả.

Sau khi sử dụng hết số tiền đã chiếm đoạt của Ngân hàng S, H vẫn thanh toán tiền lãi do lo sợ bị phát hiện. Đến ngày 19/05/2020, H không còn khả năng thanh toán tiền cho Ngân hàng S. Do không thấy H tiếp tục đóng tiền, Ngân hàng S đã xác minh với anh Nguyễn Văn M và được biết anh M không thực hiện 02 khoản vay của Ngân hàng. Qua xác minh hình ảnh trên CMND và chữ ký, chữ viết trên các hồ sơ tín dụng là của Trần Trọng H. Ngày 01/12/2021, Ngân hàng S đã có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Nam Từ Liêm đã tiến hành xác minh và làm việc với Trần Trọng H (H đang chấp hành hình phạt tù có thời hạn tại Trại tạm Vĩnh Quang, tỉnh Vĩnh Phúc).

Vật chứng thu giữ: 01 (một) Giấy đề nghị cấp vay tiêu dùng kiêm hợp đồng tín dụng ngày 05/6/2019 mang tên Nguyễn Văn M của Ngân hàng S, 01 (một) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng cá nhân S kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/6/2019 mang tên Nguyễn Văn M của Ngân hàng S, 02 (hai) giấy xác nhận tạm trú.

Ngày 04/4/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định trưng cầu giám định số 237, trưng cầu Viện Khoa học hình sự, Bộ Công

an giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu trên các tài liệu thu thập được. Ngày 08/7/2022, Viện Khoa học Hình sự, Bộ Công an ra Bản Kết luận giám định số 2135, kết luận: "Chữ ký cần giám định, chữ viết đóng khung màu đỏ trên các mẫu ký hiệu Al A2 và chữ ký, chữ viết cần giám định trên các mẫu ký hiệu từ 3 đến 46 so với chữ ký, chữ viết của Trần Trọng H trên các mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

- Những người có mẫu chữ viết gửi đến giám định trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 không viết ra chữ viết cần giám định (trừ các chữ đã kết luận tại mục 5.1) trên các mẫu ký hiệu A1, A2 Hình dấu tròn có nội dung "CÔNG AN PHƯỜNG PHÚC DIỄN CÔNG AN QUẬN BẮC TỪ LIÊM-TP HÀ NỘI" trên các mẫu cần giám định ký hiệu 47, 48 so với hình dấu tròn có cùng nội dung trên mẫu so sánh ký hiệu M5 do cùng một con dấu đóng ra;

- Không đủ cơ sở kết luận chữ ký đứng tên Đỗ Minh C trên các mẫu cần giám định ký hiệu 47, 48 so với chữ ký của Đỗ Minh C trên mẫu so sánh ký hiệu M6 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Ngày 19/7/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an quận Nam Từ Liêm ra Quyết định trưng cầu giám định số: 466, 467, trưng cầu Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hà Nội giám định chữ viết, chữ ký, bản chụp trên các tài liệu thu thập được. Phòng Kỹ thuật Hình sự, Công an thành phố Hà Nội lần lượt ra Bản kết luận giám định số: 5707 ngày 22/8/2022, 6079 ngày 05/9/2022, kết luận:

- Hình dấu tròn, hình dấu đóng giáp lai có nội dung: "NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN S - HÀ NỘI CHI NHÁNH VĨNH PHÚC" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với hình dấu tròn có nội dung: "NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN S - HÀ NỘI CHI NHÁNH VĨNH PHÚC" trên mẫu so sánh ký hiệu M1 do cùng một con dấu đóng ra.

- Chữ ký đứng tên Hà Thanh Q trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Hà Thanh Q trên các mẫu so sánh ký hiệu M2, M3 là chữ do cùng một người ký ra;

- Chữ ký đứng tên Đàm Thị Phương A trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký đứng tên Đàm Thị Phương A trên các mẫu so sánh ký hiệu M4, M5 là chữ do cùng một người ký ra;

- Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa trên 13 mẫu cần giám định (Ký hiệu từ A1 đến A13).

Tại Cơ quan điều tra, Trần Trọng H khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Mục đích chiếm đoạt tiền của Ngân hàng S từ thời điểm H biết Ngân hàng có cho vay tiền và đặt làm giả chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu giả mang tên anh Nguyễn Văn M.

Đối với chứng minh thư nhân dân giả và sổ hộ khẩu giả: quá trình điều tra xác định H đã sử dụng chứng minh thư nhân dân giả và sổ hộ khẩu giả mang tên Nguyễn Văn M nhưng không thu giữ được bản gốc của các giấy tờ giả nên không

đủ căn cứ xem xét xử lý đối với Trần Trọng H về hành vi Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với 02 giấy xác nhận tạm trúquá trình điều tra xác định không đủ căn cứ cho thấy do ông Đỗ Minh C là Trưởng Công an phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội ký xác nhận nên không xem xét xử lý đối với ông Đỗ Minh C.

Đối với anh Nguyễn Văn M: Anh M không hề biết việc Trần Trọng H mạo danh mình đồng thời dùng các giấy tờ giả để vay tiền và cấp thẻ tín dụng của ngân hàng S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Quá trình điều tra, xét thấy Vũ Quỳnh T, Đinh Xuân T, Hà Thanh Q, Đàm Thị Phương A, Nguyễn Thảo H và Đinh Thu H đều không biết các giấy tờ do H cung cấp là giả, không cùng tham gia vào việc mạo danh anh Nguyễn Văn M của H để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ngân hàng S nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Về dân sự: Ngân hàng S yêu cầu Trần Trọng H bồi thường dân sự số tiền gốc vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cùng với số tiền gốc hạn mức tín dụng là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng), đồng thời yêu cầu Trần Trọng H thanh toán tiền lãi phát sinh đối với các khoản vay, sử dụng tín dụng của Trần Trọng H.

Bản cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 26/04/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm đã truy tố bị cáo Trần Trọng H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa :

Bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng truy tố. Đối với số tiền lãi H đã trả Ngân hàng sau khi lừa đảo chiếm đoạt được tiền của Ngân hàng, H xác định số tiền này H trả là để tránh sự phát hiện của Ngân hàng về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của H nên H không có yêu cầu đề nghị gì về số tiền này. Số tiền 243.000.000 đồng đã chiếm đoạt của Ngân hàng, H xin chịu trách nhiệm bồi thường khi có điều kiện.

Đại diện Ngân hàng TNHH một thành viên S xác định: Để tránh bị Ngân hàng phát hiện, H đã thanh toán được một phần tiền lãi sau khi lừa đảo chiếm đoạt được tiền của Ngân hàng. Do vậy Ngân hàng không yêu cầu H thanh toán tiền lãi và bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng mà chỉ yêu cầu H bồi thường trả số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt là 243.000.000 đồng. Ngân hàng cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho H để H sớm ra trại khắc phục hậu quả bồi thường trả tiền cho Ngân hàng.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố như Cáo trạng số 86/CT-VKS ngày 26/4/2023 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trọng H từ 8 năm 6 tháng đến 9 năm 6 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 15 năm tù của Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc buộc

Trần Trọng H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án từ 23 năm 6 tháng đến 24 năm 6 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Trọng H phải bồi thường trả Ngân hàng TNHH một thành viên S. Địa chỉ: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,11,15 Tòa nhà E, số 138-142 H, phường Đ, quận 1, thành phố H tổng số tiền 243.000.000 đồng.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Nam Từ Liêm, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Nam Từ Liêm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ, biên bản, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được đã có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 05/6/2019 đến ngày 13/6/2019 tại : Ngân hàng TNHH một thành viên S - chi nhánh Phạm Hùng thuộc phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Trần Trọng H đã dùng giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và giấy xác nhận tạm trú giả để mạo danh anh Nguyễn Văn M đề nghị vay tiền, cấp thẻ tín dụng, qua đó chiếm đoạt số tiền là 243.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi ba triệu đồng) của Ngân hàng TNHH một thành viên S.

Hành vi của bị cáo Trần Trọng H đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 điều 174 Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Trọng H là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội nên cần phải xử lý nghiêm, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Khi lượng hình phạt xét bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử phạt tù về hành vi cướp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhưng khi ra trại bị cáo không chịu khó làm ăn lương thiện, để có tiền ăn tiêu, bị cáo đã dùng thủ đoạn làm giả giấy tờ, tên người khác để lừa đảo chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội này, tháng 01/2021 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Vĩnh Phúc và đã bị Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 15 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Do vậy cần tổng hợp hình phạt của hai bản án để buộc bị cáo chấp hành chung theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

Cũng xét tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy bị cáo đang đi chấp hành án phạt tù, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, kinh tế khó khăn vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngân hàng TNHH một thành viên S yêu cầu bị cáo H bồi thường trả Ngân hàng tổng số tiền là 243.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự nên cần buộc bị cáo H bồi thường trả Ngân hàng số tiền trên.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng S là người được thi hành án. Hội đồng xét xử xác nhận người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại các Điều 2,6,7,9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự về nghĩa vụ trả tiền phải trả lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án theo quy định tại khoản khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174, Điều 38, Điều 48, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự; Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Trần Trọng H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt Trần Trọng H 08 (tám) năm tù, tổng hợp với hình phạt 15 (mười lăm) năm tù của Bản án số 64/2021/HSST ngày 22/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, buộc Trần Trọng H phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 23 (hai ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 21/10/2020.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Trọng H phải bồi thường trả Ngân hàng TNHH một thành viên S. Địa chỉ: Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,11,15 Tòa nhà E, số 138-142 H, phường Đ, quận 1, thành phố H tổng số tiền 243.000.000 đồng (hai trăm bốn ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 68 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo Trần Trọng H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 12.150.000 đồng (mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :
- *Bị cáo, bị hại;*
- *VKSND quận Nam Từ Liêm;*
- *VKSND TP Hà Nội;*
- *TAND TPHN;*
- *Công an quận Nam Từ Liêm;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm;*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Trung Lập